

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ĐẮK LẮK CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: /BC7N-TTBVT

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật hại cây trồng tuần 20
(Từ ngày 11 đến ngày 17 tháng 5 năm 2022)

Kính gửi :

- Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tỉnh:

- Nhiệt độ: Trung bình: 26-28⁰C; Thấp nhất: 23 - 25⁰C; Cao nhất: 31-33⁰C.
- Nhận xét khác: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, chiều tối có mưa rào nhẹ vài nơi. Gió đông bắc cấp 2-3.
- So với TBNN: Lượng mưa xấp xỉ và thấp hơn; nhiệt độ đạt xấp xỉ và cao hơn.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

2.1. Tiến độ gieo trồng vụ Đông xuân 2021-2022

Cây trồng hàng năm	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích thực hiện (ha)
Lúa nước	Trổ - chín - thu hoạch	44.854/39.000
Ngô	Chín - Thu hoạch	3.407/2.860
Khoai lang	Hình thành củ- tạo tinh bột- thu hoạch	2.801/2.050
Đậu các loại	Thu hoạch	1.234/1.150
Rau các loại	Các giai đoạn	4.277/3.760
Thuộc lá	Phát triển thân lá- Thu hoạch rải rác	833/680
Sắn	Phát triển thân lá	1.834/2.300
Mía	PTTL	1.015/1.000
Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	3.468/2.340
Cây trồng lâu năm		
Cây cà phê	Quả non	213.336
Cây tiêu	Thu hoạch	32.840
Cây cao su	Các giai đoạn sinh trưởng	34.333
Cây điều	Quả non	27.702
Ca cao	Các giai đoạn sinh trưởng	1.140
Cây ăn quả các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	42.957
Cây trồng khác	Các giai đoạn sinh trưởng	2.006

2.2. Tiến độ thu hoạch Đông xuân 2021-2022

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố đến nay vụ Đông xuân thu hoạch được với tổng diện tích 55.042 ha/63.723 ha diện tích thực hiện, đạt 86,38 %. Trong đó, lúa nước 40.022 ha/44.854 ha diện tích thực hiện, đạt 89,23%; ngô 3.407 ha/3.407 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; khoai lang 1.801 ha/2.801 ha diện tích thực hiện, đạt 64,30%; rau các loại 4.277 ha/4.277 ha

diện tích thực hiện, đạt 100%; đậu các loại 1.234 ha/ 1.234 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; thuốc lá 833 ha/833 ha diện tích thực hiện, đạt 100%; cây hàng năm khác 3.468 ha/3.468 ha diện tích thực hiện, đạt 100 % (dưa hấu 619 ha, cỏ 1.144 ha, cây khác 1.750 ha).

2.3. Tiến độ gieo trồng vụ Hè thu 2022

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố đến nay vụ Hè thu năm 2022 gieo trồng với tổng diện tích 7.013 ha/203.900 ha, đạt 3,44% kế hoạch. Trong đó, lúa nước 2.035 ha/60.000 ha, đạt 3,39% kế hoạch (lúa nước 2.005 ha, lúa cạn 30 ha); ngô 2.545 ha/52.370 ha, đạt 4,86% kế hoạch; khoai lang 250 ha/2.310 ha, đạt 10,82 % kế hoạch; sắn 180 ha/40.500 ha, đạt 0,44% kế hoạch; đậu xanh 420 ha/5.900 ha, đạt 7,12% kế hoạch; đậu nành 139 ha/1.500 ha, đạt 9,27% kế hoạch; đậu lạc 130 ha/2.500 ha, đạt 5,2% kế hoạch; đậu các loại 554 ha/ 11.000 ha, đạt 5,04 % kế hoạch; rau xanh 535 ha/ 4.820 ha, đạt 11,10 % kế hoạch; cây hàng năm khác 225 ha/9.000 ha, đạt 2,5% kế hoạch (cỏ 143 ha, gừng 25 ha, cây khác 57 ha).

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 07 NGÀY QUA

*** Nhóm cây công nghiệp lâu năm**

1. Cây cà phê:

Rệp sáp TLH 4-25%, DTN 57ha (Krông Búk, EaKar, Krông Năng, TX Buôn hồ, Krông Pắc) tăng 12 ha so với kỳ trước; Rệp vảy nâu, xanh TLH 4-27% DTN 19ha (TX Buôn Hồ, Krông Năng, Krông Pắc) tăng 04ha so với kỳ trước. Bọ cánh cứng ăn lá cà phê TLH 7-10% DTN 07ha (Krông Năng). Sâu đục thân TLH 3-6% DTN 02ha (Krông Năng). Mọt đục cành TLH 1-25% DTN 19ha (EaKar, TX Buôn Hồ). Bệnh gỉ sắt TLH 3-25%, DTN 28 ha (Krông Búk, EaKar, Tx. Buôn Hồ) tăng 04 ha so với kỳ trước; Bệnh khô cành TLH 5-20%, DTN 25 ha (Krông Búk, Tx. Buôn Hồ, EaKar, Cư Kuin) giảm 02ha so với kỳ trước. Rụng quả cà phê TLH 7-10% DTN 02ha (Cư Kuin). Các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

2. Cây hồ tiêu:

Bệnh chết chậm TLH 2-20%, DTN 96 ha (Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Cư Kuin, Krông Năng, TX Buôn Hồ, Krông Búk) tương đương so với kỳ trước; Bọ xít lười TLH 5-15% DTN 06ha (Krông Năng, Krông Búk); Bệnh chết nhanh TLH 1-10% DTN 60,3ha (Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pak) tăng 15,3 ha so với kỳ trước; Bệnh đốm tảo TLH 5-35%, DTN 20 ha (Krông Búk, EaKar) tăng 01 ha so với kỳ trước; Tuyến trùng TLH 6-15% DTN 11ha (Cư Kuin, TX Buôn Hồ) tăng 01ha so với kỳ trước. Bệnh thán thư TLH: 5-15 DTN 03ha (Krông Pắc). Các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

3. Cây Điều: Bọ xít muỗi TLH 5-30%, DTN 37ha (Kr.Buk, EaKar) tăng 07ha so với kỳ trước; Bệnh thán thư TLH 5-40%, DTN 61ha (Kr.Buk, Ea Kar) tăng 10ha so với kỳ trước. Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

4. Cây ca cao: Bọ xít muỗi TLH 20-35% DTN 10ha (EaKar) tăng 02 ha so với kỳ trước; Bệnh khô vỏ thân TLH 8-30% DTN 04ha (EaKar) và các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây ăn quả**

5. Cây có múi (cam, quýt): Sâu vẽ bùa TLH 5-25% DTN 09ha (EaKar); Bệnh Greening TLH 20-30% DTN 06ha (EaKar); Bệnh vàng lá thối rễ TLH 15-25% DTN 01ha (EaKar) và các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

6. Cây sầu riêng: Rầy bông (rầy phần, tua trắng) TLH 3-25% DTN 28 ha (Krông Búk, Ea Kar, Krông pak) tăng 1,5ha so với kỳ trước. Bệnh đốm rong TLH 3-35% DTN 18ha (Tx. Buôn Hồ, Ea Kar, Krông pak). Bệnh thán thư TLH 5-18% DTN 10ha (Tx. Buôn Hồ, Krông pak). Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

7. Cây vải: Rệp sáp TLH 15-25 DTN 08ha (EaKar); Ruồi đục quả TLH 15-25% DTN 04ha (EaKar); Sâu đục cuống quả TLH 1-6% DTN 07ha (Ea Kar, Krông Năng).

8. Cây Bơ: Sâu ăn lá TLH 3-7% DTN 03ha (Tx. Buôn Hồ)

***Nhóm cây lương thực**

9. Cây lúa: Sâu đục thân (dánh héo, bông bạc) TLH 3-5% DTN 05ha (Tx. Buôn Hồ); Bệnh bạc lá (cháy bìa) TLH 4-8% DTN 03ha (Tx. Buôn Hồ); Bệnh đạo ôn lá TLH 4-6% DTN 5,5ha (Tx. Buôn Hồ); Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

10. Cây ngô: Sâu keo mùa thu TLH 15-30% DTN 03ha (EaKar)

*** Cây công nghiệp ngắn ngày**

11. Cây sắn: Khảm lá virus TLH 5-90% DTN 53 ha (Ea Súp) tương đương so với kỳ trước. Các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây rau màu:**

12. Cây rau cải ăn lá: Sâu xanh bướm trắng TLH 1-20%, DTN 3.3ha (Eakar, TX Buôn Hồ). Sâu tơ TLH 5-25% DTN 2.5ha (EaKar, Cư Kuin). Bọ nhảy TLH 3-5% DTN 0.5ha (Tx. Buôn Hồ). Các loại sâu bệnh khác gây hại rải rác.

13. Cây ớt: Bệnh khảm lá TLH 10-25% DTN 02ha (EaKar). Bệnh thán thư TLH 15-25% DTN 03ha (EaKar).

III. DỰ KIẾN SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI:

1. Trên cây lúa: Bệnh đạo ôn cổ bông, nghệt rễ bạc lá, sâu đục thân, bọ xít dài... gây hại trên lúa Đông xuân muộn giai đoạn chín - thu hoạch và các loại sâu bệnh hại khác gây hại rải rác.

Chú ý, cảnh báo: Rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ trĩ, bệnh đạo ôn lá... tiếp tục gây hại lúa Hè Thu sớm giai đoạn mạ - đẻ nhánh, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình. Chuột tiếp tục gây hại rải rác lúa giai đoạn mạ - đẻ nhánh.; Ốc bươu vàng lây lan theo nguồn nước và gây hại lúa Hè Thu sớm giai đoạn xuống mạ, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

2. Trên rau các loại: Bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội...gây hại chủ yếu trên các loại rau ăn lá ở nhiều giai đoạn.

3. Trên ngô, đậu: Sâu keo mùa thu... tiếp tục phát sinh, phát triển và gây hại trên ngô, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình.

4. Trên cây cà phê: Rệp sáp, rệp vảy nâu, rệp vảy xanh, mọt đục cành, bệnh rỉ sắt gây hại rải rác trên cây cà phê giai đoạn quả non.

5. Trên cây tiêu: Bệnh chết nhanh, bệnh chết chậm, tuyến trùng hại rễ... có khả năng phát sinh và gây hại tăng, chủ yếu trên các vườn tiêu giai đoạn chắc quả, chín, hại nặng cục bộ trên những vườn cây lâu năm chăm sóc kém.

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, bọ phần, rệp sáp bột hồng gây hại cục bộ, bệnh chổi rồng, bệnh đốm lá,...gây hại rải rác trên cây sắn giai đoạn phát triển thân lá.

7. Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân cành... tiếp tục phát sinh gây hại. Thời gian tới cần đặc biệt chú ý và quản lý tốt bệnh thán thư trên những diện tích Điều giai đoạn quả non.

8. Trên cao cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành gây hại rải rác.

9. Trên cây mía: Sâu đục thân, rệp bông xơ trắng, bệnh đốm lá, bệnh bạc trắng lá phát sinh gây hại rải rác.

10. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ thân cành, bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây rừng trồng: Bệnh chết héo, sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

12. Cây sầu riêng, cam quýt, bơ, vải: Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh héo chết nhanh do *Phytophthora* trên cây sầu riêng có khả năng tiếp tục gia tăng diện tích nhiễm, nhất là trên những vườn chăm sóc kém, không thoát nước tốt, bệnh đốm nâu thanh long, sâu tiện vỏ, nhện đỏ, bệnh sẹo, thán thư, bệnh vàng lá gân xanh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG:

Các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật căn cứ Văn bản số 1217/SNN-BVTVTBVT, ngày 29/4/2022 về việc triển khai kế hoạch sản xuất và hướng dẫn khung lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng vụ Hè thu năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi chặt chẽ tình hình sinh vật gây hại và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã tuyên truyền hướng dẫn phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa, rau màu, cây công nghiệp.

Chú ý các điều tra, báo cáo các đối tượng SVGH trên cây ăn quả như cây sầu riêng, cây chuối, cây chanh dây, cây nhãn, vải, xây dựng tuyến điều tra, tại các vùng đã, đang được cấp mã vùng trồng tại địa phương...

*** Trên lúa:**

- Hướng dẫn nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, nắm bắt tình hình phát hiện bệnh đạo ôn cổ bông, sâu đục thân, bọ xít dài... gây hại trên lúa Đông Xuân 2021-2022 giai đoạn chín – thu hoạch để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

*** Cây ngô:**

Phối hợp với chính quyền địa phương tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020 và công văn số 3749/BVTV-QLT ngày 27/12/2019 của Cục BVTV Về việc sử dụng tạm thời thuốc phòng trừ sâu keo mùa thu hại ngô..

*** Trên cà phê:** Tăng cường kiểm tra theo dõi sát diễn biến của rệp sáp hại cành và các đối tượng sâu, bệnh hại khác như gỉ sắt, thối nứt thân, tuyến trùng, mọt đục cành...

*** Trên cây tiêu:** Kiểm tra diễn biến và hướng dẫn người dân phòng chống bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyến trùng gây hại rễ... Hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc hồ tiêu.

*** Trên cây sắn:** Hướng dẫn xử lý triệt để phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ bỏ và tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá sắn do virus, không sử

dụng cây bị bệnh làm giống. Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn; chủ động hướng dẫn phòng trừ rệp sáp bột hồng hại sắn.

* **Trên cây sắn riêng:** Tăng cường hướng dẫn nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc vườn cây, quy trình quản lý bệnh *Phytophthora* hại trên cây sắn riêng.

* **Trên ca cao, điều, cao su:** Tiếp tục theo dõi các đối tượng như bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cao trên cây cao su, bọ xít muỗi, bệnh thán thư hại điều.

* **Đối với rừng trồng:** Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng trồng cho các chủ rừng theo công văn hướng dẫn số 649/SNN-TTBVTV ngày 31/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành.

* **Trên cây rau:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình an toàn, chương trình VietGap, sản xuất rau hữu cơ.

* **Cây trồng khác:** Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như: Bệnh chổi rồng hại nhãn, chôm chôm; Bệnh đốm nâu thanh long, sâu bệnh hại cam quýt, xoài... theo quy trình phòng trừ của Cục BVTV đã ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến Quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo vàng lá chuối theo Công văn số 173/TTBVTV-BVTV ngày 15/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và BVTV.

- Khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc BVTV ít độc hại trên cây trồng đảm bảo thời gian cách ly và tuân thủ nguyên tắc “4 đúng” đúng thuốc, đúng nồng độ và liều lượng, đúng lúc, đúng cách trong sử dụng thuốc BVTV.

- củng cố hệ thống bể đèn, mạng thông tin nhằm phục vụ cho công tác Dự tính dự báo và chỉ đạo bảo vệ tốt sản xuất vụ Đông Xuân 2021-2022 giai đoạn cuối và xây dựng phương án, kế hoạch tập huấn năm 2022 nhằm khuyến cáo, cảnh báo sâu, bệnh ngay từ đầu vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lãnh đạo CC;
- CC.TTBVTV Gia Lai;
- Các trạm TT&BVTV huyện, Tx, Tp (t/h);
- Trang Web (CC.TT&BVTV);
- Lưu VT- P.BVTV(G.25)

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Hắc Hiền

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 11 đến ngày 17 tháng 5 năm 2022)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)		
	Nhóm cây: Cây ăn quả												
Bơ	Sâu ăn lá	quả non	3	7	2	1	0	3	0	0.0		0	TX Buôn Hồ
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	cac giai đoạn		25	5	4	0	9	0	-3.0		7	Ea Kar
	Bệnh greening	kinh doanh	20	30	2	4	0	6	0	1.0		3	Ea Kar
	Bệnh vàng lá, thối rễ	các giai đoạn	15	25	3	1	0	4	0	1.0		1	Ea Kar
Sầu riêng	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	Các giai đoạn sinh trưởng-chăm sóc, ra hoa, trái non-	3 - 10	10 - 25	25	3	0	28	0	1.5		22	Krông Búk, Ea Kar, Krông Pắc
	Bệnh đốm rong (Tảo)	kinh doanh-Các giai đoạn-quả non	3 - 15	6 - 35	12	6	0	18	0	2.0		10	Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn-quả non	5	8 - 18	8	2	0	10	0	1.0		3	Krông Pắc, TX Buôn Hồ
Vải	Rệp sáp	Cac giai đoạn	15	25	5	3	0	8	0	3.0		6	Ea Kar
	Sâu đục cuống quả	quả chín-thu hoạch	1 - 2	5 - 6	5	2	0	7	0	4.0		4	Ea Kar, Krông Năng
	Ruồi đục quả	quar xanh	15	25	3	1	0	4	0	-1.0		4	Ea Kar
	Nhóm cây: Cây CN lâu năm												
Ca cao	Bọ xít muỗi	Cac giai đoạn	20	35	8	2	0	10	0	2.0		6	Ea Kar
	Bệnh khô vỏ thân	kinh doanh	8	30	2	2	0	4	0	0.0		2	Ea Kar
Cà phê	Rệp sáp	qua non-chăm sóc, trái non	4 - 15	7 - 25	45	12	0	57	0	12.0		31	Ea Kar, Krông Búk, Krông Pắc, TX Buôn Hồ, Krông Năng
	Bệnh gỉ sắt	các giai đoạn-chăm sóc,	3 - 15	5 - 25	21	7	0	28	0	4.0		10	Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Búk

	Bệnh khô cành	Quả non-	2 - 10	4 - 20	19	6	0	25	0	-2.0		11	Ea Kar, Krông Búk, TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Mọt đục cành	KTCB-quả non	1 - 10	4 - 25	11	8	0	19	0	4.0		10	Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Rệp vảy (xanh, nâu)	quả non;	4 - 8	10 - 27	14	5	0	19	0	4.0		3	TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Năng
	Bọ cánh cứng ăn lá cà phê	quả non; KTCB	4 - 8	18	5	2	0	7	0	7.0		0	Krông Năng
	Rụng quả cà phê	Quả non	7 - 10		2	0	0	2	0	2.0		2	Cư Kuin
	Sâu đục thân mình hồng	quả non; KTCB	3 - 5	6	2	0	0	2	0	2.0		0	Krông Năng
Điều	Bệnh thán thư	Các giai đoạn-trái non	5 - 20	10 - 40	33	20	8	61	0	10.0		36	Ea Kar, Krông Búk
	Bọ xít muỗi	Lá,chồi non,	5 - 20	10 - 30	29	8	0	37	0	7.0		20	Ea Kar, Krông Búk
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	chăm sóc-Chăm sóc	2 - 10	7 - 20	64	22	10	96	0	0.0		12	Buôn Đôn, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc, Cư Kuin, Krông Búk, Krông Năng
	Bệnh chết nhanh	chăm sóc	1 - 5	2 - 10	41.4	10	8.9	60.3	0	15.3		3	Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc
	Bệnh đốm tảo	các giai đoạn-chăm sóc	5 - 15	10 - 35	15	5	0	20	0	1.0		14	Ea Kar, Krông Búk
	Tuyến trùng	Chăm sóc sau thu hoạch	6 - 10	15	7	4	0	11	0	1.0		1	TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Bọ xít lười	phan hóa mầm hoa	5 - 8	10 - 15	6	0	0	6	0	1.0		2	Krông Năng, Krông Búk
	Bệnh thán thư	các giai đoạn	5	15	3	0	0	3	0	-1.0		2	Krông Pắc
	Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày												
Sắn (Mì)	Khảm lá virus	cây con, phát triển thân lá	5 - 40	70 - 90	8	0	45	53	0	0.0		0	Ea Súp
	Nhóm cây: Cây lương thực khác												
Ngô (Bắp)	Sâu keo mùa thu	cay con	15	30	2	1	0	3	0	-3.0		4	Ea Kar
	Nhóm cây: Lúa												

Lúa	Bệnh đạo ôn lá	chín sấp, thu hoạch	4	6	4	1.5	0	5.5	0	0.0		0	TX Buôn Hồ
	Sâu đục thân (bông bạc)	chín sấp, thu hoạch	3	5	3	2	0	5	0	0.0		0	TX Buôn Hồ
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	chín sấp, thu hoạch	4	8	2	1	0	3	0	-2.0		0	TX Buôn Hồ
	Nhóm cây: Rau màu												
Ớt	Bệnh thán thư	qua non	15	25	2	1	0	3	0	0.5		2	Ea Kar
	Bệnh khảm lá VR	các giai đoạn	10	25	1	1	0	2	0	-1.0		2	Ea Kar
Rau cải ăn lá	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn sinh trưởng	1 - 10	4 - 20	2	1.3	0	3.3	0	0.0		2	Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Sâu tơ	Cây con-	5 - 10	25	2	0.5	0	2.5	0	0.7		2	Ea Kar, Cư Kuin
	Bọ nhảy	các giai đoạn	3	5	0.5	0	0	0.5	0	0.0		0	TX Buôn Hồ

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH PHÂN THEO TỪNG HUYỆN
(Từ ngày 11 đến ngày 17 tháng 5 năm 2022)

Cây trồng	Tên huyện	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước	Số CKNT	DT P. trừ
				Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng				
		Nhóm cây: Cây ăn quả											
Bơ	TX Buôn Hồ	Sâu ăn lá	quả non	3%	7%	2	1	0	3	0	0	0	0
Cây có múi	Ea Kar	Sâu vẽ bùa	cac giai doan	15c/m2	25c/m2	5	4	0	9	0	-3	0	7
	Ea Kar	Bệnh greening	kinh doanh	20%	30%	2	4	0	6	0	1	0	3
	Ea Kar	Bệnh vàng lá, thối rễ	các giai đoạn	15%	25%	3	1	0	4	0	1	0	1
Sầu riêng	Krông Búk	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	chăm sóc, ra hoa, trái non	3 con/m2	10 con/ m2	18	0	0	18	0	1	0	17
	Ea Kar	Bệnh đốm rong (Tảo)	kinh doanh	15%	35%	6	3	0	9	0	1	0	6
	Ea Kar	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	Các giai đoạn sinh trưởng	10%	25%	4	3	0	7	0	2.5	0	3
	Krông Pắc	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5	18	4	1	0	5	0	1	0	3
	Krông Pắc	Bệnh đốm rong (Tảo)	Các giai đoạn	4	24	3	2	0	5	0	1	0	4
	TX Buôn Hồ	Bệnh thán thư	quả non	5%	8%	4	1	0	5	0	0	0	0
	TX Buôn Hồ	Bệnh đốm rong (Tảo)	quả non	3%	6%	3	1	0	4	0	0	0	0
	Krông Pắc	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	Ra đợt non	3	20	3	0	0	3	0	-2	0	2
Vải	Ea Kar	Rệp sáp	Cac giai đoạn	15%	25%	5	3	0	8	0	3	0	6
	Ea Kar	Sâu đục cuống quả	quả chín	2 con/cành	6con/cành	4	2	0	6	0	6	0	4
	Ea Kar	Ruồi đục quả	quar xanh	15%	25%	3	1	0	4	0	-1	0	4
	Krông Năng	Sâu đục cuống quả	thu hoạch	1-2%	5%	1	0	0	1	0	-2	0	0

		Nhóm cây: Cây CN lâu năm											
Ca cao	Ea Kar	Bọ xít muỗi	Các giai đoạn	20%	35%	8	2	0	10	0	2	0	6
	Ea Kar	Bệnh khô vỏ thân	kinh doanh	8%	30%	2	2	0	4	0	0	0	2
Cà phê	Ea Kar	Rệp sáp	qua non	15%	25%	15	5	0	20	0	7	0	10
	Krông Búk	Rệp sáp	chăm sóc, trái non	5%	7%	17	0	0	17	0	1	0	14
	Ea Kar	Mọt đục cành	KTCB	10%	25%	8	6	0	14	0	4	0	10
	Ea Kar	Bệnh khô cành	KTCB,KD	10%	20%	7	4	0	11	0	0	0	5
	Ea Kar	Bệnh gỉ sắt	các giai đoạn	15%	25%	8	3	0	11	0	2	0	6
	TX Buôn Hồ	Bệnh gỉ sắt	quả non	3%	5%	6	4	0	10	0	2	0	0
	TX Buôn Hồ	Rệp vảy (xanh, nâu)	quả non	4%	10%	7	3	0	10	0	1	0	0
	Krông Pắc	Rệp sáp	Trái non	6	25	5	4	0	9	0	2	0	7
	Krông Búk	Bệnh khô cành	chăm sóc, trái non	5%	10%	8	0	0	8	0	0	0	5
	TX Buôn Hồ	Rệp sáp	Quả non	4%	7%	5	3	0	8	0	0	0	0
	Krông Búk	Bệnh gỉ sắt	chăm sóc, trái non	7%	12%	7	0	0	7	0	0	0	4
	Krông Năng	Bọ cánh cứng ăn lá cà phê	quả non; KTCB	4-8%	18%	5	2	0	7	0	7	0	0
	Krông Pắc	Rệp vảy (xanh, nâu)	các giai đoạn	5	27	3	2	0	5	0	-1	0	3
	TX Buôn Hồ	Mọt đục cành	quả non	1%	4%	3	2	0	5	0	0	0	0
	TX Buôn Hồ	Bệnh khô cành	quả non	2%	4%	3	2	0	5	0	-1	0	0
	Krông Năng	Rệp vảy (xanh, nâu)	quả non; KTCB	5-8%	17%	4	0	0	4	0	4	0	0
	Krông Năng	Rệp sáp	quả non; KTCB	4-7%	16%	3	0	0	3	0	3	0	0
	Cư Kuin	Rụng quả cà phê	Quả non	7-10%		2	0	0	2	0	2	0	2
	Krông Năng	Sâu đục thân mình hồng	quả non; KTCB	3-5%	6%	2	0	0	2	0	2	0	0
	Cư Kuin	Bệnh khô cành	Quả non	5-7%		1	0	0	1	0	-1	0	1

Điều	Ea Kar	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20%	40%	25	20	8	53	0	10	0	30
	Ea Kar	Bọ xít muỗi	Lá, chồi non, KTCB	20%	30%	20	8	0	28	0	7	0	15
	Krông Búk	Bọ xít muỗi	trái non, chín	5%	10%	9	0	0	9	0	0	0	5
	Krông Búk	Bệnh thán thư	trái non	5%	10%	8	0	0	8	0	0	0	6
Hồ tiêu	Buôn Đôn	Bệnh chết chậm	chăm sóc	5%	7%	45	15	10	70	0	0	0	0
	Buôn Đôn	Bệnh chết nhanh	chăm sóc	3%	5%	25	8	8	41	0	7	0	0
	Ea Kar	Bệnh đốm táo	các giai đoạn	15%	35%	10	5	0	15	0	1	0	10
	Cư M'gar	Bệnh chết nhanh	các gia đoạn sinh trưởng	3%	8%	10.4	0	0.9	11.3	0	11.3	0	0
	TX Buôn Hồ	Tuyến trùng	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	6%	15%	6	4	0	10	0	1	0	0
	TX Buôn Hồ	Bệnh chết chậm	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	5%	8%	5	3	0	8	0	-2	0	0
	Ea Kar	Bệnh chết chậm	kinh doanh	10%	20%	5	2	0	7	0	2	0	4
	Krông Búk	Bệnh đốm táo	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	5%	10%	5	0	0	5	0	0	0	4
	Krông Năng	Bọ xít lười	Sau thu hoạch - phân hóa mầm hoa	5-8%	15%	4	0	0	4	0	-1	0	0
	Krông Pắc	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3	16	2	2	0	4	0	1	0	3
	TX Buôn Hồ	Bệnh chết nhanh	chăm sóc, phân hóa mầm hoa	1%	2%	3	1	0	4	0	0	0	0
	Cư Kuin	Bệnh chết chậm	Chăm sóc sau thu hoạch	5-7%		3	0	0	3	0	0	0	3
	Ea Kar	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	5%	8%	2	1	0	3	0	-2	0	2
	Krông Pắc	Bệnh thán thư	các giai đoạn	5	15	3	0	0	3	0	-1	0	2
	Krông Búk	Bệnh chết chậm	chắc xanh	5%	19%	2	0	0	2	0	0	0	2
	Krông Búk	Bọ xít lười	phan hóa mầm hoa, ra hoa	5%	10%	2	0	0	2	0	2	0	2
	Krông Năng	Bệnh chết chậm	sau thu hoạch - phân hóa mầm hoa	2-4%	7%	2	0	0	2	0	-1	0	0

	Cư Kuin	Tuyến trùng	Chăm sóc sau thu hoạch	7-10%		1	0	0	1	0	0	0	1
	Krông Pắc	Bệnh chết nhanh	các giai đoạn	4	10	1	0	0	1	0	-1	0	1
		Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày											
Sắn (Mì)	Ea Súp	Khảm lá virus	cây con, phát triển thân lá	5 - 40%	70 - 90%	8	0	45	53	0	0	0	0
		Nhóm cây: Cây lương thực khác											
Ngô (Bắp)	Ea Kar	Sâu keo mùa thu	cay con	15c/m2	30c/m2	2	1	0	3	0	-3	0	4
		Nhóm cây: Lúa											
Lúa	TX Buôn Hồ	Bệnh đạo ôn lá	chín sấp, thu hoạch	4%	6%	4	1.5	0	5.5	0	0	0	0
	TX Buôn Hồ	Sâu đục thân (bông bạc)	chín sấp, thu hoạch	3%	5%	3	2	0	5	0	0	0	0
	TX Buôn Hồ	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	chín sấp, thu hoạch	4%	8%	2	1	0	3	0	-2	0	0
		Nhóm cây: Rau màu											
Ớt	Ea Kar	Bệnh thán thư	qua non	15%	25%	2	1	0	3	0	0.5	0	2
	Ea Kar	Bệnh khảm lá VR	các giai đoạn	10%	25%	1	1	0	2	0	-1	0	2
Rau cải ăn lá	Ea Kar	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn sinh trưởng	10con/m2	20con/m2	1	1	0	2	0	0	0	2
	Ea Kar	Sâu tơ	Cây con	10con/m2	25con/m2	1	0.5	0	1.5	0	-0.3	0	1
	TX Buôn Hồ	Sâu xanh bướm trắng	các giai đoạn	1c/m	4c/m	1	0.3	0	1.3	0	0	0	0
	Cư Kuin	Sâu tơ	Cây con	5-7con/m2		1	0	0	1	0	1	0	1
	TX Buôn Hồ	Bọ nhảy	các giai đoạn	3 c/m	5c/m	0.5	0	0	0.5	0	0	0	0